

Bản án số: **35/2021/HN-ST**

Ngày: 05/5/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ”

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Bình

2. Bà Mai Thị Nhắc

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Th - Thư ký
Tòa án Nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên
tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021, tại Hội trường Tòa án Nhân dân huyện Mỏ Cày Nam,
tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn Nhân và gia đình thụ lý số:
77/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2021/QĐXX-ST ngày 09 tháng 4 năm
2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/QĐ-ST ngày 23 tháng 4 năm 2021, giữa các
đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lý Thanh Th, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp Ph, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: Anh Cù Thành Nh, sinh năm 1987; (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ph, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2021, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án
cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lý Thanh Th trình bày:*

Về hôn Nhân: Vợ chồng chị quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn Nhân, có
đám cưới vào năm 2010 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã Viên An, huyện
Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau đi làm tại Thành phố Hồ
Chí Minh, đến năm 2016 thì về Cà Mau sống, sống được một năm thì về quê chồng ấp
Phú Quới, xã Tân Hội sống.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên Nh là do anh Nh không lo làm ăn, suốt ngày nhậu nhẹt, khi nhậu xong thì đánh và chửi chửi nặng lời chị đã nhiều lần khuyên anh Nh nhưng anh không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng bắt đầu ly thân từ tháng 05 năm 2020 cho đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không có gặp gỡ hàn gắn về việc cả hai sẽ về chung sống cùng nhau và nhận thấy vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cả hai không thể sống hòa hợp được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh Nh.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Cù Như Q sinh ngày 11/8/2011 con hiện nay đang sống với anh Nh; cháu Cù Như Y sinh ngày 10/9/2015 con hiện đang sống với chị. Tại đơn xin ly hôn chị yêu cầu khi ly hôn chị là người trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, sau khi Tòa án tiến hành lấy ý kiến cháu Như Q thì cháu có nguyện vọng sống với cha và hiện nay cháu cũng đang sống và đi học với cha và bà nội ổn định nên chị đồng ý để cháu Như Q cho anh Nh trực tiếp nuôi, chị cấp dưỡng nuôi con định kỳ mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 5/2021, cấp dưỡng vào ngày 10 dương lịch hàng tháng. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Cù Như Ý, không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh Cù Thành Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát Nh dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Anh Cù Thành Nh đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt anh Nh,

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lý Thanh Th.

Con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Cù Như Q sinh ngày 11/8/2011 con hiện nay đang sống với anh Nh; cháu Cù Như Y sinh ngày 10/9/2015 con hiện đang sống với chị Th. Khi ly hôn chị Th để anh Nh là người trực tiếp nuôi cháu Q, chị Th cấp dưỡng nuôi con định kỳ mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi đây là ý chí tự nguyện của chị Th nên được ghi nhận. Chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Như Ý, không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con nên được ghi nhận.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không giải quyết.

Nợ chung: Không có, đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Lý Thanh Th thì quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nh dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Cù Thành Nh là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nh.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn Nh:

Hôn Nh của chị Lý Thanh Th và anh Cù Thành Nh là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nh dân xã Viên An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau, đây là hôn Nh hợp pháp được pháp luật công nhận.

Chị Th yêu cầu được ly hôn với anh Nh. Chị cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên Nh do bất đồng quan điểm, anh Nh không chăm lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, khi xin thì anh Nh lớn tiếng xúc phạm và đánh chị, chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh Nh không thay đổi làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Khoảng tháng 05/2020 thì vợ chồng ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân thì vợ chồng không có gặp gỡ để hàn gắn tình cảm.

Khi thực hiện xác minh với chính quyền địa phương tại nơi anh Nh sống thì được trưởng ấp cung cấp thông tin: Trước đây có một lần anh Nh đi nhậu về lớn tiếng cãi vã với chị Th thì chị Th có đến báo với trưởng ấp, ông có mời anh Nh lên nhắc nhở, sau đó thì không còn nghe vợ chồng cãi vã nữa. Theo ông được biết thì mâu thuẫn của vợ chồng anh Nh là do chị Th đi làm nên anh Nh ghen tuông, ngoài ra thì ông không biết thêm vợ chồng có còn mâu thuẫn gì hay không.

Khi Tòa án tiến hành xác minh với bà Trần Thị Hường là mẹ ruột của anh Nh thì bà cho rằng trong thời gian chung sống anh Nh với chị Th thường xuyên cãi vã, nguyên Nh là do anh Nh không chịu đi làm, thường xuyên nhậu nhẹt, khi xin về thì lớn tiếng xúc phạm chị Th, anh Nh có đánh chị Th hai lần. Chị Th chịu đựng sống chung một thời gian sau đó thì đi làm cho đến nay.

Như vậy, căn cứ vào lời trình bày của chị Th cũng như xác nhận của địa phương và mẹ ruột anh Nh thì mâu thuẫn giữa anh Nh và chị Th là có thật, anh Nh không chăm lo phát triển kinh tế gia đình, thường xuyên xúc phạm và có bạo hành với chị Th.

Thấy rằng mục đích hôn Nh là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy giữa chị Th và anh Nh không có sự

quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, tôn trọng và không còn tin tưởng nhau lẫn nhau, anh chị đã có một thời gian dài ly thân nhưng không thể hàn gắn tình cảm được. Tòa án đã triệu tập anh Nh nhiều lần đến Tòa để hòa giải với chị Th, tuy nhiên anh Nh không đến và cũng không có ý kiến trình bày, điều đó chứng minh anh Nh cũng không có thiện chí đoàn tụ. Xét mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn Nh đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th đối với anh Nh là đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn Nh và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Cù Như Q sinh ngày 11/8/2011 và cháu Cù Như Y sinh ngày 10/9/2015. Theo nội dung đơn khởi kiện chị Th yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị Th đồng ý để anh Nh nuôi cháu Q, chị cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Quỳnh đủ 18 tuổi. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Như Ý không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

Thấy rằng, cháu Q hiện nay đang sống với anh Nh, cháu học tại trường tiểu học Tân Hội đồng thời tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên thì cháu Quỳnh trình bày ý kiến: nếu cha mẹ ly hôn thì cháu muốn được sống với cha. Anh Nh không có lời trình bày về nội dung này. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần của con nên giao cháu Q cho anh Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cháu Cù Như Q định ký hàng tháng là 1.000.000 đồng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 5/2021 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 10 dương lịch hàng tháng.

Đối với cháu Cù Như Ý từ trước đến nay vẫn sống với chị Th, do đó để đảm bảo điều kiện sống, sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần của con thì cần giao cháu Như Ý cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Th không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn Nh và gia đình năm 2014.

2.3 Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Nh không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Th trình bày không có và anh Nh không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000 đồng, chị Th phải chịu theo quy định.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, chị Th phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn Nh và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lý Thanh Th.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Lý Thanh Th được ly hôn với anh Cù Thành Nh.

2. Về con chung: Có 02 con chung, là cháu Cù Như Quỳnh sinh ngày 11/8/2011 và cháu Cù Như Ý sinh ngày 10/9/2015.

Khi ly hôn giao cháu Cù Như Q sinh ngày 11/8/2011 cho anh Cù Thành Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Lý Thanh Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng số tiền là 1.000.000 đồng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 10 dương lịch hàng tháng.

Giao cháu Cù Như Ý sinh ngày 10/9/2015 cho chị Lý Thanh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Lý Thanh Th không yêu cầu anh Cù Thành Nh cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá Nh, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn Nh và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Lý Thanh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Cù Thành Nh không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Lý Thanh Th trình bày không có và anh Cù Thành Nh không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Lý Thanh Th phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007005 ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

Về án phí dân sự không có giá ngạch đối việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Lý Thanh Th phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án Nh dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Dương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan ĐKKH;
- Lưu (Hs,Vp).

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Yến